

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HK1/2021-2022
HỆ CAO HỌC

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1	17025069	Bùi Văn Minh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
2	17025010	Phạm Văn Đắc	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
3	17025034	Nguyễn Mạnh Thắng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
4	17025075	Nguyễn Việt Dũng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
5	17025076	Hà Thị Hào	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
6	17025081	Lã Thị Thanh Nga	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
7	17025082	Nguyễn Anh Ngọc	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
8	17025133	Nguyễn Thị Liên	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
9	17025057	Đông Văn Tài	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
10	17025059	Phạm Minh Tuấn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
11	17025061	Đinh Văn Việt	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
12	17025095	Kiều Hải Đăng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
13	17025096	Trịnh Xuân Đồng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
14	17025103	Phạm Nhật Linh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
15	17025106	Nguyễn Quang Nam	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
16	17025107	Nguyễn Hồng Thanh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
17	17025071	Bùi Thanh Hoa	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
18	17025072	Phùng Thị Hương	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
19	18025041	Đỗ Đức Tâm	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
20	18025043	Phạm Tuấn Anh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
21	18025051	Phạm Thế Vịnh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
22	18025076	Khuất Duy Huy	-477,000	8,336,250	7,859,250		7,859,250
23	18025077	Đặng Thế Linh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
24	18025002	Nguyễn Công Chiến	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
25	18025006	Đỗ Hồng Giang	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
26	18025008	Nguyễn Thị Huyền	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
27	18025015	Nguyễn Công Thắng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
28	18025018	Hà Minh Tuấn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
29	18025040	Khuất Thanh Sơn	-81,000	8,336,250	8,255,250		8,255,250
30	18025083	Sảng Khôm Seng Sụ Li Chăn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
31	18025024	Nguyễn Văn Đạt	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
32	18025028	Nguyễn Anh Tú	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
33	18025053	Nguyễn Văn Công	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
34	18025057	Trương Ngọc Kiên	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
35	18025032	Đậu Hồng Quân	-180,000	8,336,250	8,156,250		8,156,250
36	18025033	Cung Văn Trang	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
37	18025070	Nguyễn Như Cường	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
38	18025036	Lê Minh Đức	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
39	18025038	Bùi Ngọc Quang	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
40	18025063	Trần Thu Trang	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
41	18025064	Nguyễn Mạnh Tuấn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
42	18025065	Chu Thừa Vũ	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
43	18025039	Nguyễn Tuấn Anh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
44	18025068	Phùng Quang Luyện	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
45	19025001	Nguyễn Văn Tiến	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
46	19025018	Trần Tuấn Minh	0	5,001,750	5,001,750	5,001,750	0
47	19025019	Nguyễn Công Thao	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750
48	19025002	Phạm Gia Huy	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
49	19025003	Dương Tuấn Nhật	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
50	19025023	Phan Thị May	0	5,001,750	5,001,750	10,003,500	-5,001,750
51	19025004	Nguyễn Văn Hiếu	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
52	19025006	Nguyễn Hoàng Quân	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
53	19025007	Ngô Xuân Trường	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
54	19025008	Bùi Ngọc Tùng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
55	19025010	Đỗ Như Vỹ	0	8,336,250	8,336,250	8,337,000	-750
56	19025025	Nguyễn Hoàng Anh	0	5,001,750	5,001,750	5,001,750	0
57	19025026	Nguyễn Tuấn Anh	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750
58	19025028	Trần Xuân Đạt	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750
59	19025029	Nguyễn Quang Minh	0	5,001,750	5,001,750	5,001,750	0
60	19025030	Nguyễn Hữu Quang	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750
61	19025032	Lương Thị Kim Thoa	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750
62	19025034	Nguyễn Đình Tuấn	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750
63	19025035	Nguyễn Hoàng Tuấn	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750
64	19025043	Vương Quang Huy	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750
65	19025044	Nguyễn Đức Thắng	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750
66	19025045	Vũ Minh Trung	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750
67	19025011	Trần Xuân Tình	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
68	19025012	Nguyễn Quốc Trịnh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
69	19025013	Lâm Văn Tùng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
70	19025037	Nguyễn Văn Hiệp	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750
71	19025038	Đặng Tiên Long	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750
72	19025039	Mai Thanh Minh	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750
73	19025040	Nguyễn Quang Huy	-35,500	5,001,750	4,966,250		4,966,250
74	19025041	Nguyễn Trọng Sinh	0	5,001,750	5,001,750		5,001,750
75	19025014	Lưu Văn Quỳnh	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
76	20025001	Hoàng Đăng Kiên	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
77	20025002	Nguyễn Thị Thu Trang	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
78	20025003	Nguyễn Giang Tuấn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
79	20025004	Nguyễn Hữu Duy	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
80	20025005	Thái Tiến Dũng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
81	20025007	Đinh Thị Hòa	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
82	20025008	Trần Văn Hưng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
83	20025009	Lê Thu Hương	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
84	20025010	Nguyễn Thị Minh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
85	20025011	Nguyễn Bá Tiến	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
86	20025012	Nguyễn Ngọc Tiến	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
87	20025013	Trần Văn Trung	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
88	20025014	Nguyễn Thanh Bình	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
89	20025016	Trần Văn Cường	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
90	20025017	Nguyễn Đình Dũng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
91	20025018	Phạm Tuấn Dũng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
92	20025019	Nguyễn Văn Đức	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
93	20025020	Trần Đăng Hòa	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
94	20025021	Nguyễn Văn Hoàn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
95	20025022	Dương Văn Huy	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
96	20025023	Nguyễn Thị Huyền	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
97	20025024	Nguyễn Mạnh Hùng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
98	20025025	Nguyễn Sinh Hùng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
99	20025027	Trần Lâm	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
100	20025028	Vũ Thái Linh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
101	20025029	Hoàng Long	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
102	20025030	Phù Văn Quát	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
103	20025031	Nguyễn Thành Sơn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
104	20025032	Nguyễn Trọng Tài	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
105	20025033	Nguyễn Chí Thanh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
106	20025034	Trần Phương Thảo	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
107	20025035	Đoàn Thị Hoài Thu	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
108	20025036	Trương Đức Toàn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
109	20025037	Trương Tiến Toàn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
110	20025038	Đặng Quang Trung	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
111	20025039	Nguyễn Thành Trung	0	8,336,250	8,336,250	8,336,250	0
112	20025041	Trần Đức Trung	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
113	20025042	Ngô Kiên Tuấn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
114	20025043	Hoàng Anh Tú	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
115	20025044	Trần Mạnh Tùng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
116	20025045	Nguyễn Thành Vinh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
117	20025046	Nguyễn Quang Bách	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
118	20025047	Quách Đức Bình	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
119	20025048	Vũ Tuấn Hưng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
120	20025050	Đặng Thị Mên	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
121	20025051	Trần Đình Nam Sơn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
122	20025052	Nguyễn Đức Thọ	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
123	20025053	Khương Tuấn Dũng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
124	20025054	Trần Chính Đoàn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
125	20025055	Đình Hữu Đức	50,000	8,336,250	8,386,250		8,386,250
126	20025056	Trần Thanh Hằng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
127	20025057	Phạm Xuân Lộc	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
128	20025058	Nguyễn Trường Sơn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
129	20025059	Nguyễn Văn Tăng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
130	20025060	Nguyễn Văn Thành	50,000	8,336,250	8,386,250		8,386,250
131	20025061	Nguyễn Đức Tiến	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
132	20025062	Trần Hữu Hà	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
133	20025063	Nguyễn Tiến Mạnh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
134	20025064	Đình Bảo Minh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
135	20025065	Nguyễn Quang Sang	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
136	20025066	Đỗ Hải Sơn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
137	20025067	Hà Xuân Sơn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
138	20025068	Nguyễn Thị Hằng	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
139	20025069	Trần Đức Mạnh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
140	20025070	Vũ Thị Ngọc Khánh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
141	20025071	Hoàng Văn Thành	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
142	20025072	Nguyễn Trọng Vinh	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250
143	21025023	Nguyễn Văn Tuấn	0	8,336,250	8,336,250		8,336,250